TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:18/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 29/4/2025
V/v: Ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Kim Cảnh và bà Lê Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy. Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc: "Ly hôn và nuôi con chung" thụ lý số 54/2025/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXX- ST, ngày 10 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1999

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Vũ Trọng N1, sinh năm 1999.

Nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 39, phân trại giam S, Trại giam T1, cục C. Đóng tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Chị N và anh N1 đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Trọng N1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/4/2020 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung làm cho vợ chồng thường xuyên xích mích, cãi cọ.

Cuối năm 2021, anh N1 vướng vào chất kích thích phải đi chấp hành án trong trại giam và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly

thân không quan tâm gì đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay chị N xét thấy tình cảm không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Trọng N1.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Nguyễn Bảo T, sinh ngày 22/10/2020. Khi lý hôn, do anh N1 đang phải đi chấp hành án phạt tù nên chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo T, không yêu cầu anh N1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Tại bản tự khai, bị đơn anh Vũ Trọng N1 trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Vũ Trọng N1 và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã H, huyện T cấp ngày 29/4/2020. Quá trình chung sống hạnh phúc đến ngày 05/6/2021 anh N1 phạm tội và đi chấp hành án tại Trại giam T1.

Nay chị N làm đơn xin ly hôn, anh cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Vũ Nguyễn Bảo T, sinh ngày 22/10/2020. Hiện tại anh N1 đang đi chấp hành án nên anh thống nhất để chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung, sau này anh chấp hành án xong, anh sẽ làm thủ tục xin thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ: Anh N1 cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:**

- Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Vũ Trọng N1.

+ Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Vũ Nguyễn Bảo T, sinh ngày 22/10/2020 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Vũ Trọng N1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Trọng N1 theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay,

chị N và anh N1 đều có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Trọng N1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/4/2020 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N1 phạm tội và phải đi chấp hành án tại Trại giam T1, kể từ đó vợ chồng không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị N và anh N1 đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh V Trong N1 là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Trọng N1.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Vũ Nguyễn Bảo T, sinh ngày 22/10/2020.

Nay chị N và anh N1 đều thống nhất giao cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh N1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do đó công nhận sự thỏa thuận của chị N và anh N1 về phần nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273, 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Các Điều 55, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Trọng N1.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu Vũ Nguyễn Bảo T, sinh ngày 22/10/2020 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Vũ Trọng N1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Vũ Trọng N1 có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004451 ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
-Tòa án tỉnh;
- VKS Triệu Sơn;
- C.cục thi hành án DS Triệu Sơn;
- UBND xã Hợp Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vu án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Lê Thị Lan